ATÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 9 - 2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin,

2. Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 484/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1964. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Trần Văn L, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 02 tháng 5 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Ánh trình bày: Bà và ông L chung sống với nhau vào năm 1984, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 21/02/2009. Đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên Bà yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông L có 2 con chung tên Trần Lý Tố U, sinh năm 1986 và Trần L Tố L, sinh năm 1989, hai con đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, bà A có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng ông L vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Trần Thị Ngọc A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn L; ông L có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An và hiện đang có mặt tại địa phương (Công an xã xác nhận) nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc A và ông Trần Văn L chung sống với nhau vào năm 1984, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An ngày 21/02/2009 nên hôn nhân giữa Ông Bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trong quá trình chung sống, ông L, bà A phát sinh mâu thuẫn. Bà A cho rằng năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên Bà yêu cầu ly hôn với ông L.

Đối với ông L, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của bà A nhưng ông L không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà A. Tại phiên tòa hôm nay, ông L vẫn vắng mặt, chứng tỏ Ông không có thiện chí để hàn gắn. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung vợ chồng của Ông Bà không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông L là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà A và ông L có 2 con chung tên Trần Lý Tố U, sinh năm 1986 và Trần Lý Tố L, sinh năm 1989, hai con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về cấp dưỡng: Bà A không yêu cầu ông L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông L không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc A đối với ông Trần Văn L về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc A được ly hôn với ông Trần Văn L.

2. Về án phí: Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004652 ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Bà A đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đ;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hồng Sơn